

THÔNG BÁO
Về việc tuyển dụng công chức khởi hành chính nhà nước
tỉnh Lâm Đồng năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 8265/KH-UBND ngày 21/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc thi tuyển công chức khởi hành chính nhà nước tỉnh Lâm Đồng năm 2023.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng thông báo tuyển dụng công chức khởi hành chính nhà nước năm 2023 như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN

1. Đối tượng: Những người có nguyện vọng vào làm việc tại các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lâm Đồng và Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà.

2. Điều kiện và tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển công chức:

a) Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự thi tuyển công chức:

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.
- Đủ 18 tuổi trở lên.
- Có Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu kèm theo), có lý lịch rõ ràng.
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.
- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển; không phân biệt loại hình đào tạo và văn bằng, chứng chỉ (*chính quy, tại chức, liên thông, chuyên tu, từ xa, theo niên hạn hoặc theo tín chỉ*), không phân biệt trường công lập và trường ngoài công lập, cụ thể:

+ Đối với thí sinh dự thi vào các ngạch: 01.003, 10.226, 02.007: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển.

+ Đối với thí sinh dự thi vào ngạch: 10.228, 02.008, 06.035: Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển.

b) Những người sau đây không được đăng ký dự thi tuyển công chức:

- Không cư trú tại Việt Nam.
- Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

II. NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC:

Tổng số chỉ tiêu tuyển dụng công chức của tỉnh năm 2023 là **114 chỉ tiêu**, bao gồm:

- a) Ngạch Chuyên viên (mã số 01.003), yêu cầu trình độ đại học trở lên theo vị trí việc làm và chuyên ngành đào tạo cần tuyển: 79 chỉ tiêu.
- b) Ngạch Văn thư viên (mã số 02.007), yêu cầu trình độ đại học trở lên theo vị trí việc làm và chuyên ngành đào tạo cần tuyển: 07 chỉ tiêu.
- c) Ngạch Kiểm lâm viên (mã số 10.226), yêu cầu trình độ đại học trở lên theo vị trí việc làm và chuyên ngành đào tạo cần tuyển: 20 chỉ tiêu.
- d) Ngạch Văn thư viên trung cấp (mã số 02.008), yêu cầu trình độ trung cấp trở lên theo vị trí việc làm và chuyên ngành đào tạo cần tuyển: 03 chỉ tiêu.
- đ) Ngạch Kiểm lâm viên trung cấp (mã số 10.228), yêu cầu trình độ trung cấp trở lên theo vị trí việc làm và chuyên ngành đào tạo cần tuyển: 04 chỉ tiêu.
- e) Ngạch Thủ quỹ (mã số 06.035), yêu cầu trình độ trung cấp trở lên theo vị trí việc làm và chuyên ngành đào tạo cần tuyển: 01 chỉ tiêu.

(Chi tiết theo Phụ lục chỉ tiêu tuyển dụng công chức tỉnh Lâm Đồng năm 2023 đính kèm)

III. HÌNH THỨC ĐĂNG KÝ VÀ THỜI HẠN NỘP PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN:

1. Hình thức đăng ký dự tuyển: Người đăng ký dự tuyển công chức nộp 01 Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu ban hành kèm theo Thông báo tuyển dụng công chức tỉnh Lâm Đồng năm 2023 (*mẫu Phiếu được đăng tải tại Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ Lâm Đồng: <https://snv.lamdong.gov.vn>*), kèm theo 03 phong bì có dán tem, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của cá nhân tại mục người nhận (*đảm bảo cho việc thông tin liên lạc và gửi nhận văn bản*).

- Để đảm bảo tính chính xác trong việc điền thông tin đăng ký dự tuyển, thí sinh có thể mang văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, kèm Phiếu đăng ký dự tuyển đến Sở Nội vụ để được kiểm tra, hướng dẫn cụ thể.

- Người đăng ký dự tuyển công chức phải khai đầy đủ các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời điểm nộp phiếu (*không được bỏ*

trống) và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trong Phiếu đăng ký dự tuyển của mình.

- Trường hợp người đăng ký dự tuyển đang là công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, người làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước, cán bộ, công chức cấp xã; sỹ quan và quân nhân chuyên nghiệp trong quân đội nhân dân và công an nhân dân Việt Nam nếu đăng ký dự tuyển công chức phải được cấp có thẩm quyền quản lý đồng ý bằng văn bản.

2. Nộp Phiếu đăng ký dự tuyển:

Thí sinh có thể lựa chọn 01 trong 02 hình thức sau:

a) Nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển (trong giờ hành chính) tại Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng (*Tầng 7, Trung tâm Hành chính tỉnh, số 36, Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng*).

b) Nộp theo đường bưu chính đến Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng (*Tầng 7, Trung tâm Hành chính tỉnh, số 36, Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng*). Sở Nội vụ sẽ căn cứ theo dấu chuyển của bưu điện để xác định thời gian nộp hồ sơ.

3. Thời gian nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: 30 ngày, kể từ ngày có thông báo trên Đài Phát thanh và Truyền hình Lâm Đồng.

4. Số điện thoại bộ phận hướng dẫn và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển (*liên hệ trong giờ hành chính*): 02633.834.533.

5. Về tài liệu ôn tập: Sở Nội vụ thông báo danh mục tài liệu ôn tập trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ Lâm Đồng (<https://snv.lamdong.gov.vn>), đề nghị thí sinh truy cập để tải tài liệu, cụ thể:

a) Tài liệu kiến thức chung: Dành cho tất cả các vị trí.

b) Tài liệu nghiệp vụ, chuyên ngành: Theo từng vị trí (*thí sinh cần xác định tài liệu theo đúng vị trí dự tuyển đã đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển*).

c) Tài liệu ngoại ngữ: Thí sinh dự tuyển vào ngạch 01.003, 10.226 tự học và dự thi Tiếng anh trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Một số vấn đề cần lưu ý:

a) Thí sinh phải đọc kỹ thông báo này và phụ lục chỉ tiêu đính kèm để chọn vị trí dự tuyển, đơn vị dự tuyển và ghi các thông tin đúng, phù hợp với trình độ, chuyên ngành, ngạch đăng ký dự thi và các yêu cầu khác; mỗi thí sinh chỉ được đăng ký 01 vị trí dự tuyển.

b) Thí sinh thường xuyên truy cập Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ Lâm Đồng (<https://snv.lamdong.gov.vn>) để cập nhật các thông tin liên quan đến kỳ thi (thời gian, địa điểm, tài liệu, ca thi, phòng thi,...).

c) Hội đồng thi và các bộ phận giúp việc của Hội đồng thi không tổ chức ôn thi. Các tổ chức, cá nhân không được cơ quan có thẩm quyền cho phép mà tổ chức ôn thi và thu tiền là sai quy định. Để đảm bảo công tác tổ chức kỳ thi diễn ra nghiêm túc, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật, Hội đồng tuyển dụng phối hợp với Công an tỉnh thường xuyên theo dõi, điều tra, xác minh, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực trong toàn bộ quá trình tổ chức kỳ thi (nếu có).

IV. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

Người dự tuyển công chức phải dự thi đủ các môn thi được thực hiện theo 2 vòng thi như sau:

1. Thi vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức, năng lực chung.

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

b) Nội dung thi gồm 02 phần, thời gian thi như sau:

- Phần I: Kiến thức chung:

+ Gồm 60 câu hỏi hiểu biết chung về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ và các kiến thức khác để đánh giá năng lực.

+ Thời gian thi: 60 phút.

- Phần II: Ngoại ngữ:

+ Đối với thí sinh dự thi vào các ngạch 01.003, 10.226: 30 câu hỏi tiếng Anh trình độ bậc 2 với thời gian thi: 30 phút.

+ Đối với thí sinh dự thi vào ngạch 02.007, 02.008, 10.228, 06.035: không phải dự thi phần ngoại ngữ.

- Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

+ Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

+ Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định.

+ Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số.

- Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại khoản 1 mục này, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2 theo quy định tại khoản 2 mục này.

- Thí sinh được biết kết quả thi ngay sau khi làm bài thi trên máy vi tính, không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành:

a) Hình thức: Thi viết.

b) Thời gian: 180 phút.

c) Thang điểm: 100 điểm.

d) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của nhóm vị trí việc làm cần tuyển, cụ thể như sau:

- Ngạch Chuyên viên (*mã số 01.003*) gồm các nhóm vị trí việc làm sau:

+ Vị trí Văn phòng: Hành chính tổng hợp; Quản trị công sở; Ngoại vụ.

+ Vị trí Nội vụ: Quản lý nhân sự và đội ngũ; Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Quản lý thi đua khen thưởng.

+ Vị trí Công Thương: Quản lý công nghiệp.

+ Vị trí Xây dựng: Quản lý quy hoạch - kiến trúc; Quản lý hoạt động xây dựng; Quản lý xây dựng.

+ Vị trí Tài chính: Quản lý ngân sách; Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp; Quản lý dự án đầu tư; Quản lý giá và thẩm định giá; Quản lý công sản; Quản lý tài chính - ngân sách; Quản lý tài chính - kế toán.

+ Vị trí Kế hoạch và Đầu tư: Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân; Quản lý kế hoạch và đầu tư; Quản lý quy hoạch - kế hoạch.

+ Vị trí Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Quản lý thể dục thể thao; Quản lý thể dục, thể thao và du lịch; Quản lý văn hóa và gia đình.

+ Vị trí Tài nguyên và Môi trường: Quản lý đo đạc và bản đồ; Kiểm soát ô nhiễm môi trường; Thẩm định và đánh giá tác động môi trường; Quản lý đất đai; Thẩm định giá đất.

+ Vị trí Y tế: Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm; Quản lý công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình; Quản lý Y tế cơ sở và y tế dự phòng; Quản lý nghiệp vụ y.

+ Vị trí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quản lý bảo vệ hồ đập; Quản lý lâm nghiệp; Quản lý thủy lợi; Quản lý chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản.

+ Vị trí Thông tin và Truyền thông: Quản lý viễn thông; Công nghệ thông tin; Quản lý thông tin truyền thông.

+ Vị trí Thanh tra: Thanh tra; Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo; Thanh tra phòng chống tham nhũng.

+ Vị trí Giao thông vận tải: Quản lý hạ tầng giao thông.

+ Vị trí Tư pháp: Hành chính tư pháp.

+ Vị trí Giáo dục và Đào tạo: Quản lý mầm non.

- Ngạch Văn thư gồm các nhóm vị trí việc làm sau:

+ Vị trí Văn thư viên (mã số 02.007).

+ Vị trí Văn thư viên trung cấp (mã số 02.008).

- Ngạch Kiểm lâm gồm các nhóm vị trí việc làm sau:

+ Vị trí Kiểm lâm viên (mã số 10.226).

+ Vị trí Kiểm lâm viên trung cấp (mã số 10.228).

- Ngạch Thủ quỹ: vị trí Thủ quỹ (mã số 06.035).

3. Cách xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức

a) Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm tuyển dụng.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định người trúng tuyển.

b) Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

V. LỆ PHÍ, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THI TUYỂN

1. Phí tuyển dụng: Sau khi có Thông báo triệu tập dự thi vòng 1, thí sinh nộp phí trực tiếp tại Sở Nội vụ hoặc qua số tài khoản của Sở Nội vụ: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Lâm Đồng (Agribank), **số tài khoản 5400201015530**; Nội dung chuyển khoản ghi đủ các thông tin sau: Họ và tên, số điện thoại di động, số căn cước công dân (khớp với thông tin ghi trên Phiếu đăng ký dự tuyển). Ví dụ: Nguyễn Văn A, 0919..., 068...

Thí sinh phải nộp phí tuyển dụng trước ngày thi; đến ngày thi, nếu thí sinh chưa nộp phí thì không được dự thi. Thí sinh không dự thi tuyển sẽ không được hoàn trả lại phí dự tuyển.

2. Thời gian dự kiến thi tuyển: Tháng 12 năm 2023.

3. Địa điểm thi tuyển: Trường Cao đẳng Đà Lạt (số 109 Yersin, phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông báo này được thông báo công khai trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Lâm Đồng và Trung tâm Tích hợp dữ liệu và Chuyển đổi số; niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng, Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ (<http://snv.lamdong.gov.vn>). Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện các nội dung trên.

2. Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm cập nhật thường xuyên toàn bộ thông tin có liên quan đến kỳ thi tuyển công chức trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ (<http://snv.lamdong.gov.vn>) để các thí sinh biết, đăng ký và tham dự thi tuyển.

3. Mọi phản ánh, thắc mắc xin liên hệ trực tiếp về Sở Nội vụ qua số điện thoại: 0263.3834533 để được thông tin, giải đáp cụ thể.

Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo để các cơ quan, đơn vị và các thí sinh biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm THDL và CDS;
- Báo Lâm Đồng, Đài PTTH tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NC1, TKCT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Hiệp

III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức công tác

V. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

Miễn thi ngoại ngữ do:

Miễn thi tin học do:

VI. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- (3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.



CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2023

(ban hành kèm theo Thông báo số 391 /TB-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

STT	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Nhóm vị trí việc làm	Ngạch	Trình độ	Số lượng chỉ tiêu	Yêu cầu một trong những ngành, chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dành cho người DTTS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng chỉ tiêu						114		29
1	Quản trị công sở	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng	01.003	Đại học	01	Kế toán; Tài chính; Quản trị kinh doanh; Quản trị văn phòng	
2	Ngoại vụ	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng	01.003	Đại học	02	Ngôn ngữ Anh	
3	Văn thư	Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư viên	02.007	Đại học	02	Văn thư - lưu trữ; Lưu trữ học; Lưu trữ học và quản trị văn phòng. Trường hợp tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ	
4	Quản lý thi đua khen thưởng	Sở Nội vụ	Nội vụ	01.003	Đại học	01	Nội vụ; Luật; Hành chính; Ngữ Văn; Công nghệ thông tin	X
5	Công nghệ thông tin	Sở Nội vụ	Thông tin truyền	01.003	Đại học	01	Công nghệ thông tin	X

STT	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Nhóm vị trí việc làm	Ngạch	Trình độ	Số lượng chỉ tiêu	Yêu cầu một trong những ngành, chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dành cho người DTTS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			thông					
6	Công nghệ thông tin	Sở Nội vụ	Thông tin truyền thông	01.003	Đại học	01	Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính	
7	Quản lý viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Thông tin truyền thông	01.003	Đại học	01	Luật; Tin học; Công nghệ thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính; An toàn thông tin; Quản lý công nghệ thông tin; Quản lý hệ thống thông tin; Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ Kỹ thuật điện tử; Công nghệ Internet Vạn vật	
8	Quản lý hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải	Giao thông vận tải	01.003	Đại học	01	Xây dựng giao thông; Cầu đường; Kinh tế xây dựng	
9	Quản lý Thể dục thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	01.003	Đại học	01	Thể dục thể thao; Giáo dục Thể chất	

STT	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Nhóm vị trí việc làm	Ngạch	Trình độ	Số lượng chỉ tiêu	Yêu cầu một trong những ngành, chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dành cho người DTTS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
10	Quản lý Thẻ dực thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	01.003	Đại học	01	Thẻ dực thể thao; Giáo dục Thể chất	X
11	Văn thư	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn thư trung cấp	02.008	Trung cấp	01	Văn thư hành chính; Văn thư - lưu trữ; Lưu trữ; Lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp tốt nghiệp Trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Văn thư	
12	Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra tỉnh	Thanh tra	01.003	Đại học	01	Luật	
13	Thanh tra phòng, chống tham nhũng	Thanh tra tỉnh	Thanh tra	01.003	Đại học	01	Quản lý đất đai	X
14	Quản lý nhân sự và đội ngũ	Sở Y tế	Nội vụ	01.003	Đại học	01	Bác sĩ y khoa	X
15	Quản lý nghiệp vụ y	Sở Y tế	Y tế	01.003	Đại học	01	Bác sĩ y khoa	
16	Thanh tra	Sở Y tế	Thanh tra	01.003	Đại học	01	Bác sĩ y khoa	

STT	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Nhóm vị trí việc làm	Ngạch	Trình độ	Số lượng chỉ tiêu	Yêu cầu một trong những ngành, chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dành cho người DTTS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
17	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	Sở Y tế	Y tế	01.003	Đại học	01	Bác sĩ y khoa	X
18	Quản lý công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình	Sở Y tế	Y tế	01.003	Đại học	01	Bác sĩ Y khoa; Bác sĩ Y học dự phòng; Điều dưỡng; Hộ sinh; Kỹ thuật Y	X
19	Công nghệ thông tin	Sở Tài chính	Thông tin truyền thông	01.003	Đại học	01	Công nghệ thông tin; Quản trị mạng; Tin học	
20	Quản lý ngân sách hoặc quản lý tài chính hành chính sự nghiệp hoặc quản lý dự án đầu tư hoặc quản lý giá và thẩm định giá hoặc quản lý công sản	Sở Tài chính	Tài chính	01.003	Đại học	01	Tài chính; Kế toán	
21	Quản lý ngân sách hoặc quản lý tài chính hành chính sự nghiệp hoặc quản lý dự án đầu tư hoặc	Sở Tài chính	Tài chính	01.003	Đại học	02	Tài chính; Kế toán	X

STT	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Nhóm vị trí việc làm	Ngạch	Trình độ	Số lượng chỉ tiêu	Yêu cầu một trong những ngành, chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dành cho người DTTS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	quản lý giá và thẩm định giá hoặc quản lý công sản							
22	Thanh tra	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thanh tra	01.003	Đại học	01	Luật	
23	Quản lý đo đạc và bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tài nguyên và môi trường	01.003	Đại học	01	Kỹ thuật trắc địa và bản đồ	
24	Thẩm định giá đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tài nguyên và môi trường	01.003	Đại học	01	Kinh tế	X
25	Kiểm soát ô nhiễm môi trường hoặc thẩm định và đánh giá tác động môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tài nguyên và môi trường	01.003	Đại học	01	Khoa học môi trường	X
26	Thanh tra	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	01	Xây dựng	

STT	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Nhóm vị trí việc làm	Ngạch	Trình độ	Số lượng chỉ tiêu	Yêu cầu một trong những ngành, chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dành cho người DTTS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
27	Quản lý hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng	Xây dựng	01.003	Đại học	03	Quản lý xây dựng	
28	Quản lý kiến trúc quy hoạch	Sở Xây dựng	Xây dựng	01.003	Đại học	01	Kiến trúc; Kiến trúc đô thị; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình	
29	Hành chính tổng hợp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn phòng	01.003	Đại học	01	Luật	
30	Hành chính tổng hợp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn phòng	01.003	Đại học	01	Kinh tế	
31	Quản lý quy hoạch, kế hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kế hoạch và Đầu tư	01.003	Đại học	01	Kinh tế; Quản trị kinh doanh	
32	Quản lý bảo vệ hồ đập	Sở Nông nghiệp và PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	01.003	Đại học	01	Kỹ thuật Tài nguyên nước; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Xây dựng thủy lợi - thủy điện - cấp thoát nước; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
33	Quản lý chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Nông nghiệp và phát triển	01.003	Đại học	01	Khoa học cây trồng	

STT	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Nhóm vị trí việc làm	Ngạch	Trình độ	Số lượng chỉ tiêu	Yêu cầu một trong những ngành, chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dành cho người DTTS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			nông thôn					
34	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kiểm lâm viên	10.226	Đại học	11	Lâm sinh; Lâm học; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý tài nguyên rừng	
35	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kiểm lâm viên	10.226	Đại học	01	Luật	
36	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kiểm lâm viên	10.226	Đại học	01	Tài nguyên môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	
37	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kiểm lâm viên	10.226	Đại học	02	Lâm sinh; Lâm học; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Quản lý tài nguyên rừng	X
38	Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	Trung cấp	02	Kiểm lâm; Lâm nghiệp	
39	Văn thư	Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn thư viên	02.007	Đại học	02	Văn thư - lưu trữ; Lưu trữ học; Lưu trữ học và Quản trị văn phòng. Trường hợp tốt nghiệp Đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Văn thư hoặc có bằng tốt nghiệp	

STT	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Nhóm vị trí việc làm	Ngạch	Trình độ	Số lượng chỉ tiêu	Yêu cầu một trong những ngành, chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dành cho người DTTS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
							cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành Văn thư hành chính, Văn thư - lưu trữ, Lưu trữ	
40	Văn thư	Sở Nông nghiệp và PTNT	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp	01	Văn thư hành chính; Văn thư - lưu trữ; Lưu trữ; Lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp tốt nghiệp Trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Văn thư	
41	Văn thư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn thư viên	02.007	Đại học	01	Văn thư - lưu trữ; Lưu trữ học; Lưu trữ học và Quản trị văn phòng; Văn thư hành chính; Luật. Trường hợp tốt nghiệp Đại học Luật, phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Văn thư hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành Văn thư hành chính, Văn thư - lưu trữ, Lưu trữ	
42	Văn thư	Ban Dân tộc	Văn thư viên	02.007	Đại học	01	Văn thư lưu trữ	
43	Thanh tra	Sở Công Thương	Thanh tra	01.003	Đại học	01	Kinh tế	

STT	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Nhóm vị trí việc làm	Ngạch	Trình độ	Số lượng chỉ tiêu	Yêu cầu một trong những ngành, chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dành cho người DTTS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
44	Hành chính tổng hợp	Sở Công Thương	Văn phòng	01.003	Đại học	01	Quản trị kinh doanh	X
45	Quản lý tài chính - kế toán	Sở Công Thương	Tài chính	01.003	Đại học	01	Kinh tế hoặc Ngoại thương hoặc Thương mại	
46	Quản lý công nghiệp	Sở Công Thương	Công Thương	01.003	Đại học	01	Kinh tế công nghiệp	
47	Kiểm lâm	Vườn Quốc gia Biduop - Núi Bà	Kiểm lâm viên	10.226	Đại học	02	Lâm nghiệp; Quản lý Tài nguyên rừng; Lâm học; Lâm sinh; Quản lý Tài nguyên thiên nhiên; Công nghệ sinh học; Nông học; Luật	
48	Kiểm lâm	Vườn Quốc gia Biduop - Núi Bà	Kiểm lâm viên	10.226	Đại học	03	Lâm nghiệp; Quản lý Tài nguyên rừng; Lâm học; Lâm sinh; Quản lý Tài nguyên thiên nhiên; Công nghệ sinh học; Nông học; Luật	X
49	Kiểm lâm	Vườn Quốc gia Biduop - Núi Bà	Kiểm lâm viên trung cấp	10.228	Trung cấp	02	Kiểm lâm; Lâm sinh; Lâm nghiệp	
50	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	UBND thành phố Đà Lạt	Y tế	01.003	Đại học	01	Bác sĩ; Dược sĩ; Công nghệ sinh học; Quản lý nhà nước	
51	Thanh tra	UBND thành phố Đà Lạt	Thanh tra	01.003	Đại học	01	Tài chính; Kế toán	

STT	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Nhóm vị trí việc làm	Ngạch	Trình độ	Số lượng chỉ tiêu	Yêu cầu một trong những ngành, chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dành cho người DTTS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
52	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	UBND thành phố Đà Lạt	Thanh tra	01.003	Đại học	01	Luật	
53	Quản lý tài chính - ngân sách	UBND thành phố Đà Lạt	Tài chính	01.003	Đại học	02	Tài chính; Kế toán; Kiểm toán	
54	Quản lý đất đai	UBND thành phố Đà Lạt	Tài nguyên và Môi trường	01.003	Đại học	01	Quản lý đất đai	
55	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	UBND thành phố Đà Lạt	Nội vụ	01.003	Đại học	01	Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Quản trị kinh doanh	
56	Văn thư	UBND thành phố Đà Lạt	Văn thư viên trung cấp	02.008	Trung cấp	01	Văn thư lưu trữ hoặc Hành chính văn phòng + Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư	
57	Thủ quỹ	UBND thành phố Đà Lạt	Thủ quỹ	06.035	Trung cấp	01	Kế toán; Tài chính - Kế toán	
58	Quản lý Công nghệ thông tin	UBND thành phố Bảo Lộc	Thông tin và truyền thông	01.003	Đại học	01	Công nghệ thông tin; Điện tử - Viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	

STT	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Nhóm vị trí việc làm	Ngạch	Trình độ	Số lượng chỉ tiêu	Yêu cầu một trong những ngành, chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dành cho người DTTS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
59	Quản lý Y tế cơ sở và y tế dự phòng	UBND thành phố Bảo Lộc	Y tế	01.003	Đại học	01	Bác sĩ	X
60	Quản lý Quy hoạch - kiến trúc	UBND thành phố Bảo Lộc	Xây dựng	01.003	Đại học	01	Kiến trúc sư	
61	Quản lý xây dựng	UBND thành phố Bảo Lộc	Xây dựng	01.003	Đại học	01	Quản lý đô thị; Giao thông vận tải; Xây dựng	X
62	Văn thư	UBND thành phố Bảo Lộc	Văn thư viên	02.007	Đại học	01	Văn thư lưu trữ; Lưu trữ học; Lưu trữ học và quản trị văn phòng. Trường hợp tốt nghiệp Đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ	
63	Quản lý Kinh tế tập thể và tư nhân	UBND huyện Đức Trọng	Kế hoạch và Đầu tư	01.003	Đại học	01	Kinh tế; Quản trị kinh doanh; Tài chính – Ngân hàng; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
64	Công nghệ thông tin	UBND huyện Đức Trọng	Thông tin và Truyền thông	01.003	Đại học	01	Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Toán - Tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	

STT	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Nhóm vị trí việc làm	Ngạch	Trình độ	Số lượng chỉ tiêu	Yêu cầu một trong những ngành, chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dành cho người DTTS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
65	Hành chính tư pháp	UBND huyện Đức Trọng	Tư pháp	01.003	Đại học	01	Luật; Luật Hiến pháp; Luật hành chính	X
66	Hành chính tổng hợp	UBND huyện Đức Trọng	Văn phòng	01.003	Đại học	01	Quản lý đất đai; Kiến trúc; Kiến trúc đô thị; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình	
67	Quản lý thông tin truyền thông	UBND huyện Đam Rông	Thông tin và Truyền thông	01.003	Đại học	01	Công nghệ thông tin	
68	Quản lý xây dựng	UBND huyện Đam Rông	Xây dựng	01.003	Đại học	01	Xây dựng; Giao thông vận tải	
69	Quản lý về lâm nghiệp	UBND huyện Đạ Tẻh	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	01.003	Đại học	01	Lâm nghiệp	
70	Quản lý mầm non	UBND huyện Lạc Dương	Giáo dục và Đào tạo	01.003	Đại học	01	Giáo dục mầm non	X
71	Quản lý thể dục, thể thao và du lịch	UBND huyện Lạc Dương	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	01.003	Đại học	01	Văn hóa học; Thể dục thể thao; Du lịch; Dịch vụ lễ hành; Luật; Xã hội học	X

STT	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Nhóm vị trí việc làm	Ngạch	Trình độ	Số lượng chỉ tiêu	Yêu cầu một trong những ngành, chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dành cho người DTTS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
72	Quản lý đất đai	UBND huyện Lạc Dương	Tài nguyên và Môi trường	01.003	Đại học	01	Quản lý đất đai	X
73	Quản lý đất đai	UBND huyện Lạc Dương	Tài nguyên và Môi trường	01.003	Đại học	01	Quản lý đất đai	
74	Quản lý đội ngũ cán bộ công chức viên chức	UBND huyện Đơn Dương	Nội vụ	01.003	Đại học	01	Luật; Quản trị nhân lực	
75	Quản lý văn hóa và gia đình	UBND huyện Đơn Dương	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	01.003	Đại học	01	Văn hóa	X
76	Hành chính tổng hợp	UBND huyện Bảo Lâm	Văn phòng	01.003	Đại học	01	Luật; Tài chính; Kế toán; Hành chính; Quản lý nhà nước; Kinh tế; Công nghệ thông tin	
77	Hành chính tổng hợp	UBND huyện Bảo Lâm	Văn phòng	01.003	Đại học	02	Luật; Tài chính; Kế toán; Hành chính; Quản lý nhà nước; Kinh tế; Công nghệ thông tin	X
78	Thanh tra	UBND huyện Bảo Lâm	Thanh tra	01.003	Đại học	01	Kinh tế	

STT	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Nhóm vị trí việc làm	Ngạch	Trình độ	Số lượng chỉ tiêu	Yêu cầu một trong những ngành, chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dành cho người DTTS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
79	Quản lý xây dựng	UBND huyện Bảo Lâm	Xây dựng	01.003	Đại học	01	Kỹ sư Xây dựng; Kỹ sư giao thông	
80	Quản lý đất đai	UBND huyện Bảo Lâm	Tài nguyên và Môi trường	01.003	Đại học	01	Quản lý đất đai	X
81	Quản lý công nghệ thông tin	UBND huyện Lâm Hà	Thông tin và Truyền thông	01.003	Đại học	01	Công nghệ thông tin	X
82	Quản lý xây dựng	UBND huyện Lâm Hà	Xây dựng	01.003	Đại học	01	Xây dựng	
83	Quản lý Thủy lợi	UBND huyện Lâm Hà	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	01.003	Đại học	01	Thủy lợi	
84	Công nghệ thông tin	UBND huyện Di Linh	Thông tin và Truyền thông	01.003	Đại học	01	Công nghệ thông tin; Quản trị mạng; Tin học; Kỹ thuật điện tử và viễn thông; Toán - Tin; Máy tính	
85	Quản lý xây dựng	UBND huyện Di Linh	Xây dựng	01.003	Đại học	01	Kiến trúc sư; Kỹ sư xây dựng	X

STT	Vị trí việc làm	Đơn vị dự tuyển	Nhóm vị trí việc làm	Ngạch	Trình độ	Số lượng chỉ tiêu	Yêu cầu một trong những ngành, chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dành cho người DTTS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
86	Quản lý kế hoạch và đầu tư	UBND huyện Di Linh	Kế hoạch và Đầu tư	01.003	Đại học	01	Kế toán; Tài chính - Kế toán; Kiểm toán	
87	Quản lý thông tin truyền thông	UBND huyện Di Linh	Thông tin và Truyền thông	01.003	Đại học	01	Công nghệ thông tin; Quản trị mạng; Tin học; Kỹ thuật điện tử và viễn thông; Toán - Tin; Máy tính	
88	Quản lý đất đai	UBND huyện Di Linh	Tài nguyên và Môi trường	01.003	Đại học	01	Quản lý đất đai	
89	Thanh tra	UBND huyện Cát Tiên	Thanh tra	01.003	Đại học	01	Kỹ sư Kinh tế Xây dựng	
90	Quản lý tài chính - ngân sách	UBND huyện Cát Tiên	Tài chính	01.003	Đại học	01	Kế toán; Tài chính	